

Dòng Máy in HP LaserJet Pro 3003dn/dw



Với tốc độ in nhanh và các công cụ quản lý dễ dàng với LaserJet Pro.

Máy in này đạt năng suất tối ưu với tốc độ in nhanh và phần cứng đáng tin cậy, sử dụng hằng ngày dễ dàng ở bất cứ đâu, để bạn có thể tập trung hơn vào công việc.



Hiệu suất mạnh mẽ.

- Hỗ trợ các nhóm nhân sự nhỏ với mẫu máy in laser này, được thiết kế cho tối đa 7 người dùng.
- In ấn hiệu quả hơn. Bạn có thể tiết kiệm thời gian, giấy và chi phí với tốc độ in hai mặt ở mức 35 trang/phút.¹
- Đạt năng suất ngay trong tầm tay của bạn. In ấn và tiết kiệm thời gian với Phím tắt từ HP Smart.²

Quản lý liền mạch.

- Quản lý tập trung tác vụ in. Dễ dàng thực hiện với bộ tính năng của HP Web Jetadmin.⁴
- Thiết lập máy in nhanh chóng. Quy trình thiết lập tinh giản giúp bạn thiết lập dễ dàng và nhanh chóng quay trở lại công việc chính.
- Tránh bị gián đoạn với chức năng Wi-Fi® giúp tìm kiếm kết nối tốt nhất một cách thông minh để luôn duy trì trực tuyến.⁸

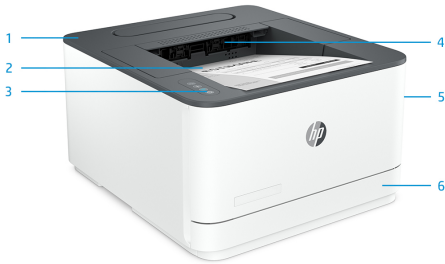
Dịch vụ bảo mật HP Wolf Pro Security.

- Sở hữu tính năng bảo mật máy in ngay lần đầu sử dụng. Các cài đặt được thiết lập cấu hình sẵn có nghĩa là thiết bị đã sẵn sàng khi bạn cần.
- Thêm một lớp bảo mật. Tùy chọn mã PIN/lệnh pull (kéo) sẽ chỉ xác thực lệnh in của bạn khi bạn có mặt.
- Đặt ra chính sách cấu hình và xác thực cài đặt trên toàn cầu với Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage.⁹

Tổng quan sản phẩm

Máy in HP LaserJet Pro 3003dw

- 1. Được thiết kế cho các nhóm nhỏ tối đa 7 người dùng
- 2. In hai mặt tự động
- 3. Thiết đặt bảo mật được cấu hình sẵn
- 4. In nhanh, lên đến 33 trang/phút, sức chứa giấy tiêu chuẩn 250 tờ
- 5. WiFi® băng tần kép với khả năng tự khôi phục, USB và Ethernet
- 6. Khay giấy đầu vào loại cassette



Sơ lược về dòng sản phẩm



Model	Máy in HP LaserJet Pro 3003dn	Máy in HP LaserJet Pro 3003dw
Mã sản phẩm	3G653A	3G654A
Chức năng	In	
Tốc độ in	Lên tới 33 trang/phút A4	
Bảo mật	Dịch vụ bảo mật HP Wolf Pro Security	
Khả năng kết nối	Thiết bị USB tốc độ cao (tương thích với thông số kỹ thuật USB 2.0); Ethernet 10/100Mbps	Thiết bị USB tốc độ cao (tương thích với thông số kỹ thuật USB 2.0); Ethernet 10/100Mbps; Không dây 802.11b/g/n, Băng tần kép 2.4GHz/5GHz; BLE

Các mặt hàng, Phụ kiện, Vật tư và Hỗ trợ Có thể cấu hình

Vật tư	W1450A Hộp mực in chính hãng màu đen HP 145A dùng cho máy in LaserJet (Hộp mực trung bình in được 1.700 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.)
	W1450X Hộp mực in chính hãng màu đen năng suất cao HP 145X dùng cho máy in LaserJet (Hộp mực trung bình in được 3.800 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.)
Dịch vụ và Hỗ trợ	UG481E Dịch vụ thay thế tại chỗ trong vòng 3 năm cho máy in LaserJet của HP UG086E Dịch vụ thay thế trong Ngày làm việc tiếp theo trong vòng 3 năm cho máy in LaserJet của HP UG289E Dịch vụ trả về kho trong vòng 3 năm cho máy in LaserJet của HP

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in HP LaserJet Pro 3003dn		Máy in HP LaserJet Pro 3003dw
Mã sản phẩm	3G653A		3G654A
Các chức năng	In		
Bảng điều khiển	3 nút (BẬT, Thông tin, Hủy/Tiếp tục); 3 đèn LED chỉ báo (Giấy, Chú ý, Mực).		4 nút (BẬT, Không dây, Thông tin, Hủy/Tiếp tục); 3 đèn LED chỉ báo (Giấy, Chú ý, Mực).
In			
Công nghệ in	Laser		
Tốc độ in ³	Đen trắng (A4, thường): Lên đến 33 trang/phút ; Đen trắng (A4, hai mặt): Lên đến 20 hình/phút		
Trang ra đầu tiên ⁵	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 7,0 giây ; Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Nhanh tới 8,7 giây		
Độ phân giải in	Đen trắng (tốt nhất): Lên đến 1200 x 1200 dpi ; Công nghệ: 600dpi với công nghệ Tăng cường độ phân giải (REI); HP ProRes 1200		
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Lên đến 50.000 A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: 350 đến 2500 trang		
Tính năng phần mềm thông minh của máy in	In hai mặt tự động, OOBЕ dễ dàng, Bảo mật thông minh, Chức năng in luôn hoạt động, In mọi nơi		
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	PCL5c; PCL6; PS; PCLmS; PDF; URF; PWG; PCLm		
Phông và kiểu chữ	84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước		
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 4,23 mm, Dưới cùng: 4,23 mm, Trái: 4,23 mm, Phải: 4,23 mm; Vùng in tối đa: 207 x 348 mm		
In hai mặt	Tự động (tiêu chuẩn)		
Tốc độ bộ xử lý	800 MHz		
Khả năng kết nối			
Tiêu chuẩn	Thiết bị USB tốc độ cao (tương thích với thông số kỹ thuật USB 2.0); Ethernet 10/100Mbps.		Thiết bị USB tốc độ cao (tương thích với thông số kỹ thuật USB 2.0); Ethernet 10/100Mbps; Không dây 802.11b/g/n, Băng tần kép 2.4GHz/5GHz; BLE.
Không dây	Không		Có
Khả năng in trên thiết bị di động	Apple AirPrint™; Được chứng nhận Mopria™; Ứng dụng HP		
Hỗ trợ giao thức mạng	TCP/IP; IPv4; IPv6; Chế độ IP Direct; LPD; SLP; Bonjour; WS-Discovery; BOOTP/ DHCP/ AutoIP; WINS; SNMP v 1/2/3; và HTTP/HTTPS		
Khả năng nối mạng	Ethernet 10/100Mbps.		Ethernet 10/100Mbps; Không dây 802.11b/g/n, Băng tần kép 2.4GHz/5GHz.
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 256 MB; Tối đa: 256 MB		

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in HP LaserJet Pro 3003dn		Máy in HP LaserJet Pro 3003dw
Mã sản phẩm	3G653A		3G654A
Xử lý giấy ảnh media			
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 1; Tối đa: 1 Khay chính		
Loại giấy in	Giấy (Giấy cắt, giấy thường, phim bóng, nhẵn), phong bì, thẻ, bưu thiếp		
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Chiều rộng từ 76 đến 216 mm; Chiều dài từ 127 đến 356mm; Có hỗ trợ (theo hệ mét): A4, A5, A5-R, A6, B5(JIS); B6(JIS); Oficio (216x340); 16K (195 x 270 mm); 16K (195 x 270 mm); L 9x13 cm; 10x15cm; Bưu thiếp Nhật Bản; Bưu thiếp đối xoay Nhật Bản; Phong bì Nhật Bản Chou #3; Phong bì Nhật Bản Chou #4; Phong bì B5; Phong bì C5; Phong bì C6; Phong bì DL		
Xử lý giấy ảnh media	Đầu vào tiêu chuẩn: 1 khay chính; 250 tờ hoặc 10 phong bì Đầu ra tiêu chuẩn: Khay giấy ra 150 tờ		
Trọng lượng giấy ảnh media	60 đến 163 g/m²;		
Công suất đầu vào	Khay 1: Tờ: tối đa 250; Phong bì: tối đa 10 Tối đa: Tối đa 250 tờ		
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 150 tờ Phong bì: Lên đến 10 Tối đa: Tối đa 150 tờ		
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur; macOS 12 Monterey; macOS 15 Sequoia; Linux		
Các hệ điều hành mạng tương thích	Máy chủ Windows; macOS 15 Sequoia; Linux		
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Microsoft® Windows® 11, 10, dung lượng ổ cứng khả dụng 2 GB, kết nối Internet, Microsoft® Internet Explorer hoặc Edge.; Mac: Apple® macOS v10.15 Catalina, macOS v11 Big Sur, macOS v12 Monterey; HD 2 GB; Cẩn có kết nối Internet		
Phần mềm đi kèm	Không có hộp thư đến CD (ngoại trừ Indonesia và Chính phủ Trung Quốc) Phần mềm có thể tải xuống từ các cửa hàng ứng dụng trong hệ điều hành www.hp.com/hp-app. #CD bao gồm Trình cài đặt phần mềm HP, Trình gỡ cài đặt, trình điều khiển máy in và các công cụ thiết yếu khác		
Quản lý bảo mật	Embedded Web server mạng được bảo vệ bằng mật khẩu; kích hoạt/ngắt kích hoạt các cổng mạng; Thay đổi mật khẩu cổng đồng SNMPv1; Xác thực 802.1x		
Quản lý máy in	HP Smart, HPSM, Web JetAdmin, admin.hpsmart.com		
Kích thước và trọng lượng			
Kích thước máy in (R x S x C)	Tối thiểu 367,0 x 398,2 x 216,2 mm; Tối đa: 367,0 x 758,8 x 366,1 mm		
Trọng lượng máy in	7,5 Kg		
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 15 đến 32,5°C; Độ ẩm: 30 đến 70% RH		
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -20 đến 60°C		
Âm thanh	Phát xạ công suất âm thanh: 6,5 B(A) (in ở tốc độ 33 trang/phút); Phát xạ áp suất âm thanh: 53 dB(A)		
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz; điện áp vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz ; Tiêu thụ: 484 watt (đang in), 2,93 watt (sẵn sàng), 1,06 watt (ngủ), 0,06 watt (Tắt thủ công), 0,06 watt (Tắt tự động/Bắt thủ công), 0,9 watt (Tắt tự động/Bắt khi sử dụng LAN); ; Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (Tích hợp sẵn)		Yêu cầu: Điện áp vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz; điện áp vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz ; Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (Tích hợp sẵn)
	RCM (Úc), TUV và GS Mark (Đức), BSMI (Đài Loan), CCC (Trung Quốc), BIS (Ấn Độ), KC (Hàn Quốc), SIRIM (Malaysia), Campuchia, Ukraina, EAC, Phê duyệt bởi Đông Á, Chứng nhận CE, FCC, UL, Paraguay, Chile, Argentina, Indonesia, Singapore, Philippines, v.v.. Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR32:2012 & CISPR32:2015 /EN55032:2012 & EN55032:2015+AC:2016 - Loại B; EN 61000-3-2:2014; EN 61000-3-3:2013; EN 55035:2017; Tiêu đề 47 Bộ luật Quy định Viễn thông Liên bang, Phần 15 Loại B/ICES-003, Ban hành lần 6 Đã đăng ký chứng nhận EPEAT® Bạc Tuân thủ quy định viễn thông: Bắc Mỹ, không có mô-đun không dây.		RCM (Úc), TUV và GS Mark (Đức), BSMI (Đài Loan), CCC (Trung Quốc), BIS (Ấn Độ), KC (Hàn Quốc), SIRIM (Malaysia), Campuchia, Ukraina, EAC, Phê duyệt bởi Đông Á, Chứng nhận CE, FCC, UL, Paraguay, Chile, Argentina, Indonesia, Singapore, Philippines, v.v.. Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR32:2012 & CISPR32:2015 /EN55032:2012 & EN55032:2015+AC:2016 - Loại B; EN 61000-3-2:2014; EN 61000-3-3:2013; EN 55035:2017; Tiêu đề 47 Bộ luật Quy định Viễn thông Liên bang, Phần 15 Loại B/ICES-003, Ban hành lần 6 Đã đăng ký chứng nhận EPEAT® Bạc Tuân thủ quy định viễn thông: Không dây: EU RED 2014/53/EU; EN 301 489-1 V2.2.3 / EN 301 489-17: V3.2.0; EN 300 328: V2.1.1 / EN301 893 V2.1.1; Tiêu đề 47 Bộ luật Quy định Viễn thông Liên bang, Phần 15 Tiêu mục C & E / RSS 247 Ban hành lần 1, 2015 & RSS 102 Ban hành lần 5, 2015; IEC 62311:2007 / EN62311:2008.
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	Không có thủy ngân		
Tuân thủ Blue Angel	Có, Blue Angel DE-UZ 219—chỉ được bảo đảm khi sử dụng mực in HP chính hãng		
Xuất xứ	Sản xuất tại Việt Nam		
Trong hộp có gì¹	3G653A Máy in HP LaserJet Pro 3003dn, Hộp mực in laser HP LaserJet màu đen lắp đặt sẵn (~1.000 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ rơi hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ rơi về quy định; Dây nguồn	3G654A Máy in HP LaserJet Pro 3003dw, Hộp mực in laser HP LaserJet màu đen lắp đặt sẵn (~1.000 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ rơi hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ rơi về quy định; Dây nguồn	
Bảo hành	Bảo hành giới hạn một năm		

Ghi chú

¹ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập hp.com/go/printerclaims. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

² R Yếu cầu tài ứng dụng HP, có sẵn tại www.hp.com/go/mobileprinting. Một số tính năng chỉ có bằng tiếng Anh và có thể khác nhau tùy theo quốc gia/kiểu máy in, cũng như giữa ứng dụng trên máy tính và trên thiết bị di động. HP có quyền tính phí sử dụng chức năng được hỗ trợ bởi ứng dụng HP. Cần có truy cập Internet và có thể không khả dụng ở một số quốc gia. Cần có tài khoản HP để sử dụng đầy đủ chức năng. Tính năng fax chỉ hỗ trợ gửi fax. Danh sách hệ điều hành được hỗ trợ có trên các cửa hàng ứng dụng. Xem chi tiết tại www.hp.com/hp-app.

⁴ Có thể tải xuống HP Web Jetadmin miễn phí tại hp.com/go/webjetadmin.

⁵ Tính toán của HP dựa trên dữ liệu TEC chuẩn hóa ENERGY STAR® giúp so sánh các máy in dòng HP LaserJet 200-500 khi ra mắt. Vui lòng tham khảo tại hp.com/ecosmart

⁶ Các khả năng của Công nghệ Bật/Tắt Tự động của HP thay đổi tùy theo máy in và cài đặt; có thể cần nâng cấp firmware.

⁷ Tài chế: Phạm vi cung cấp của chương trình có thể khác nhau. Dịch vụ trả lại và tái chế hộp mực HP Chính hãng hiện đang có mặt tại hơn 60 quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực ở Châu Á, Châu Phi, Châu Âu cũng như Bắc và Nam Mỹ thông qua chương trình HP Planet Partners. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng truy cập hp.com/recycle.

⁸ Yêu cầu truy cập Internet và phải mua riêng. Hoạt động không dây chỉ tương thích với băng tần 2,4 GHz và 5,0 GHz. Hỗ trợ cả 5,0 GHz và 2,4 GHz dùng tới 12 kênh không chồng chéo so với chỉ 3 kênh không chồng chéo của 2,4 GHz. Hỗ trợ băng tần 5,0 GHz (tối đa 150 mbps) so với băng tần 2,4 GHz (tối đa 72,2 mbps). Vui lòng tìm hiểu thêm tại: www.hp.com/go/mobileprinting

⁹ Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage phải được mua riêng. Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập hp.com/go/securitymanager.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Để biết thông tin về năng suất trên hộp mực đi kèm với máy in, xem <http://www.hp.com/go/toneryield>. Giá trị năng suất được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác.

² Năng suất được công bố dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/toneryield> .

³ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims> . Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁴ Được đo bằng Kiểm thử hiệu suất tính năng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁵ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims> . Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.